

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y I

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM LE VĂN THUẬN
(Ten Tu Nhan) Last (Ho) Middle First (Ten)

Current Address: Ấp 7 Xã An Long Huyện Bến Cát - Tỉnh Sông Bé

Date of Birth: 20-02-1943 Place of Birth: Tuồng Bình Hiệp

Thang - Ngay - Nam
Previous Occupation (before 1975) Thiếu úy Tuồng Ban Công vụ Nội Dịch cảnh sát
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 27-06-1975 To 05-09-1979
(Thang - Ngay - Nam) Years: 04 Months: 03 Days: 10

SPONSOR'S NAME: _____
(Neu co) Name

Address and Telephone Number

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5 NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ VĂN THUẬN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
1 - PHAN - THỊ HUẾ	15-07-1942	Vợ
2 - LÊ QUỐC THANH	21-08-1963	Con trai
3 - LÊ QUỐC THÔNG	09-12-1965	Con trai
4 - LÊ QUỐC THIÊN	03-02-1972	Con trai
5 - LÊ QUỐC HẠ	27-08-1973	Con trai
06 - LÊ THỊ THÚA HƯỜNG	27-08-1975	Con gái

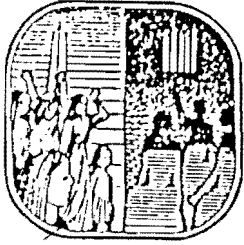
DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

LÊ VĂN THUẬN 163 Ô T 1 ẤP I XÃ TƯỜNG BÌNH

HIỆP - THỦ DẦU MỘT - LĨNH SÔNG BÉ THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH S. VN-

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- NGÀY 05 - 12 - 1970 ĐƯỢC ĐI TUNG HIỆP « TÁC CHIẾN TRONG RỪNG RẬM », TẠI MÃ LẠI Á THỜI GIAN 8 TUẦN LẺ.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1 APPLICANT IN VIETNAM LE VĂN THUẬN
(Ten Tu Nhan) Last (Ho) Middle First (Ten)

Current Address: ẤP 1 XÃ AN LONG - HUYỆN BẾN CÁT - SÔNG BÉ

Date of Birth: 20-02-1943 Place of Birth: TỈNH BÌNH HIỆP
Thang - Ngay - Nam

Previous Occupation (before 1975) Thiếu úy - Trưởng Ban Công vụ - Nội Dịch Chính Sĩ
(Rank & Position)

2 TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 27-06-1975 To 05-09-1979
(Thang - Ngay - Nam) Years: 04 Months: 03 Days: 10

3 SPONSOR'S NAME: _____
(Neu co) Name

Address and Telephone Number

4 NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ VĂN THUẬN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
01. PHAM thi - HUE	15-07-1942	V.ò
02. LÊ QUỐC THANH	21-08-1963	con trai
03. LÊ QUỐC THƯỜNG	09-12-1965	con trai
04. LÊ QUỐC THIÊN	03-02-1972	con trai
05. LÊ QUỐC HẢI	27-08-1973	con trai
06. LÊ THỊ THU HƯỜNG	27-08-1975	con gái

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

LÊ VĂN THUẬN 163 Ô TẬP 1 YÊN TƯỜNG BÌNH HIỆP - THỦ

ĐẦU MỘT - LƯU SÔNG ĐÉ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

S - VN.

ADDITIONAL INFORMATION :

NGÀY 05-12-1970 ĐƯỢC ĐI TU NGHIỆP < TÁC CHIẾN TRONG
BƯNG RÂM >, TẠI MÃ-LAI-A' THỜI GIẠN 8 TUẦN LỄ.

Số 407

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/CT ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ phân viện vào Cơ quan chính quyền ở chế độ cũ và nhân phần đóng hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ (Bộ phòng - Nội vụ) số 12/1978 ngày 29-08-1978 về việc thực hiện chỉ thị số 316/CT ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ. Thi hành quyết định số 12/1978 ngày 29-08-1978 của Bộ trưởng Bộ nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên : Lê Văn Thuận

Ngày tháng năm sinh : 1945

Quê quán : Xã Mỹ Hòa, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Mỹ Hòa

Trú quán : Đã mất, ở đường binh sĩ, thị xã Thủ Đức

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ : Không có
Đang công tác ở chế độ cải tạo.

Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy ban nhân dân và công an xã,

Phường Việt Nam thuộc huyện

Quận : Thị xã Thủ Đức Tỉnh, thành phố : Tỉnh Thủ Đức

phải tuân theo các quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

- Thời hạn quản chế : không hạn
- Thời hạn đi đường : 01 (một) ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).
- Tiền và lương thực đi đường đã cấp : không cấp

2 huân

L. Văn Thuận



Ngày 01 tháng 9 năm 197 1

GIÁM THỊ TRẠI

Đ. Văn

Kiểm nhận Sao y. Số 108

An lý ngày 03/10/90

Công an



Cao Tiến Dũng

Đặc biệt
Phụ. Lễ Văn Thúc
Ngày 19/4/1943. Nơi ở
Đoàn Văn Thúc 164.



Trần Văn Thúc

1943-40-40

Trần Văn Thúc

Trần Văn Thúc

Trần Văn Thúc

Trần Văn Thúc

Trần Văn Thúc

Số 407

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/T ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ nhân viên các Cơ quan chính quyền ở chế độ cũ và ai phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ (Bộ phòng - Nội vụ số 01/TP ngày 29-02-1978) về việc thực hiện chỉ thị số 316/T ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ. Thi hành quyết định số 10/10 ngày 29-08-1979 của Bộ trưởng Bộ nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên : Lê Văn Thuận

Ngày tháng năm sinh : 1945

Quê quán : Nhất An, xã, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

Trú quán : Ấp Hòa An, xã, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

Số lĩnh, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ : Chiến sỹ cách mạng
Đan công vụ với địch cách sát.

Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy ban nhân dân và công an xã,

Phường xã Suối Bắc Hiệp thuộc huyện

Quận : Chi xã Chi dân tỉnh Tỉnh, thành phố : Tỉnh Bắc

và phải tuân theo các quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh. Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

— Thời hạn quản chế : 2 năm

— Thời hạn đi đường : 01 (một) ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

— Tiền và lương thực đi đường đã cấp : _____

Ngày 05 tháng 10 năm 1979

GIÁM THỊ TRẠI

2 Quan

Ê. VĂN THUẬN



Khoá nhận học y - số 108
An ninh 0707 3100 190

Cao Tiến Dũng

Đặc biệt
Huyện Gò Công Tây
Ngày 19/4/1943. Nơi
đây là địa điểm...

Đang chờ...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

tỉnh Bình-dương

(NAM-PHÂN)
(Sud Viêt - Nam)

NĂM 1960
(Année)

SỐ HIỆU 6
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Tòa HỌA BÌNH HÒA, xử về việc hộ trọng phiên nhóm ông khai ngày 6 tháng 1 năm 1960, có tên số 2048, và khai văn như sau :
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	
Sanh ngày nào (Date de naissance)	HỘI ĐẠO LÊ AY chứng nhận Lê-văn-Thường nhân Lê-văn- Thuận là con đẻ sanh.
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Phản rằng : Lê-văn-Thuận
Cha làm nghề gì (Sa profession)	sinh ngày 30-3-1943, tại làng Phòng- Bình-Hiến, Bình-dương, là con của Lê-văn- Thường và Lê-thị-Diêu.
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phản rằng em này chết vì khai sanh cho trẻ ấy.
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	CHỨC T. TH. AN Bình-dương, ngày 11 tháng 2 năm 1960 Chánh-Lục-Sự, (Ký tên và ấn dấu : "G. Th. An")
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

ngày 19

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT).

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Bình-dương, ngày 10-10-1960

CHÁNH LỤC-SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF



Giá tiền : 15000
(Coût)

Biên-lai số :
(Quittance No)

KHỎI THỊ TRỰC

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

tỉnh Bình-dương

(NAM-PHÂN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1960
(Année)

SỐ HIỆU 6
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Tòa HÒA BIÊN HÒA, xử về việc hộ trọng phiên nhóm cộng khai ngày 6 tháng 1 năm 1960, có lên án số 2048, và chủ văn như sau :
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	
Sanh ngày nào (Date de naissance)	HỘI GÁC LỄ ẤY Chứng nhận Lê-văn-Thượng nhận Lê-văn- Thuận là con tự sanh.
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Phản rằng : Lê-văn-Thượng
Cha làm nghề gì (Sa profession)	sinh ngày 20-2-1943, tại làng Tường- Bình-Hiệp, Bình-dương, là con của Lê-văn- Thượng và Lê-thị-Diêu.
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phản rằng em này thế-vì khai sanh cho trẻ ấY.
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	QUỐC Y THAO AN Bình-dương, ngày 13 tháng 2 năm 1960 Chánh-lục-sự, (Ký tên và ấn dấu : Ngô-thế-Chí)
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	

Chúng tôi _____
(Nous)

Chánh-án Toà _____
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông _____
(M)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

_____, ngày _____ 19____
CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Bình-dương, ngày 10-10-1969

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



Giá tiền: 15000
(Cost)

Biên-lai số: _____
(Biên-lai No)

KHOA TƯ THỰC

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM BÌNH-DƯƠNG
GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ HÔN-THỦ NĂM

1963

(MỤC)

Extrait du registre des actes de mariage de l'année

(d'après)

LÀNG A n-Thanh

TỈNH

Bình-Dương

(NAM-PHÂN)

du village de

Province de

(Sud Viet-Nam)

NĂM

1963

HIỆU

7

(Année)

(N°)

Tên, họ người chồng Nom et prénom de l'époux	Lê-văn-Thuan
Sinh tại chỗ nào Lieu de la naissance	Tương-Bình-Hiệp (Bình-Dương)
Sinh ngày nào Date de la naissance	Ngày hai mươi tháng hai năm một ngàn chín trăm bốn mươi ba.
Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé)	Lê-văn-Thung (sống) bốn mươi
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	Lê-thị-Diêu (sống) bốn mươi
Tên, họ người vợ Nom et prénom de l'épouse	Phan-thị-Hue
Vợ chính hay vợ thứ Son rang de femme mariée	
Sinh tại chỗ nào Lieu de la naissance	A n-Thanh
Sinh ngày nào Date de la naissance	Ngày hai mươi lăm tháng bảy năm một ngàn chín trăm bốn mươi hai
Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói) Nom et prénom du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé)	9
Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói) Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	Phan-thị-ngọc-Anh (sống) ba mươi chín
Ngày kết hôn Date de mariage	Ngày mười bốn tháng sáu năm một ngàn chín trăm bốn mươi ba.

Chúng tôi

Nous

Chánh-án Tòa

Président du Tribunal de

chứng cho hợp-pháp chữ ký của
certifions l'authenticité de la signature de M.

ông

Chánh-Lục-Sự Tòa Án sơ tại

Greffier en Chef dudit tribunal.

, ngày 19

CHÁNH-ÁN,
LE PRÉSIDENT,

Trích y bản chánh :

Pour extrait conforme

Bình-Dương, ngày 24 -7- 19 73

CHÁNH LỤC-SỰ,

LE GREFFIER EN CHEF.

hôn có bồi bổ một chỉ.



PHẠM-VŨ-THƯỜNG

Giá tiền 200 00

Cout

Biên-lai số

Quittance N°

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM. Bình-Dương
GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC ĐỘ HÔN-THÚ NĂM 1963 (Mức)
Extrait du registre des actes de mariage de l'année (degré)
LÀNG A n-thành TỈNH Bình-Dương (NAM-PHẦN)
du village de (Sud Viet-Nam)
NĂM 1963 S HIỆU 7
(Année) (de No)

Tên, họ người chồng Nom et prénom de l'époux	Lê-văn-thuận
Sinh tại chỗ nào Lieu de la naissance	Tương-Bình-Hiệp (Bình-Dương)
Sinh ngày bao nhiêu Date de la naissance	Ngày hai mươi tháng hai năm một ngàn chín trăm bốn mươi ba.
Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé)	Lê-văn-thung (sống) bốn mươi
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	Lê-thị-Điều (sống) bốn mươi
Tên, họ người vợ Nom et prénom de l'épouse	Phan-thị-Huê
Sinh tại chỗ nào Lieu de la naissance	A n-thành
Sinh ngày bao nhiêu Date de la naissance	Ngày mười lăm tháng bảy năm một ngàn chín trăm bốn mươi hai
Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói) Nom et prénom du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé)	9
Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói) Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	Phan-thị-ngọc-A nh(sống) ba mươi
Ngày kết hôn Date de mariage	Ngày mười bốn tháng sáu năm một ngàn chín trăm bốn mươi ba.

Chúng tôi
Nous
Chánh-án Tòa
Président du Tribunal de
chứng cho hợp-pháp chữ ký của
certifions l'authenticité de la signature de M.

ông
Chánh-Lục-Sự Tòa Án sở tại
Greffier en Chef dudit tribunal.

ngày 19
CHÁNH-ÁN,
LE PRÉSIDENT,

Trích y bản chính :
Pour extrait conforme

Bình-Dương, ngày 24 -7-1973

CHÁNH LỤC-SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF.

Chữ ký của bồi thẩm một chỗ.

Giá tiền 203 00

Đã
Đã-lai số
Affidance No

PHẠM-VŨ-THƯỜNG

LÊ VĂN - THUẬN (047)





Số, Tỷ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Công An

Sông Bé.

GIẤY BIÊN NHẬN

Số 280350908

Họ tên

Lê Văn Tuấn

Tên thường gọi

Nơi cư trú

Quảng B Hiệp T.M. Sông Bé.

Dấu vết riêng hoặc dị hình

Số 11/11/1981
tuấn tuấn mập jai

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân
dân tại :

Hẹn đến ngày / / 19 trả giấy CMND

Ngày 3 + 10 / 1981

(Ghi rõ họ, tên người ký)



Đ. T. M. T.
Đ. T. M. T.



Nhà, Ty CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc
Công An

Sông Bé.

GIẤY BIÊN NHẬN

Số 280350908

Họ tên Lê Văn Thuần

Tên thường gọi

Nơi cư trú Phường B Hiệp TAM. Sông Bé

Dấu vết riêng hoặc dị hình: Số Chấn Chấn

tuấn tuấn nếp nếp

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân tại :

Hẹn đến ngày ____/____/19____ trả giấy CMND

Ngày 3/10/1981
(Ghi rõ họ, tên người ký)
CẤP ĐƠN TẠM
ĐƠN TẠM

VIỆT NAM . NGÀY 09 tháng 10 - 1990

- o - o - o -

THƯA BÀ

TÔI RẤT MỪNG KHI ĐƯỢC NGHE LẠI TIẾNG NÓI CỦA
BÀ TRÊN ĐÀI BÁC LUÂN ĐỒN, THƯA BÀ TÔI LÀ
NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CHẾ ĐỘ TRƯỚC VÀ ĐÃ CẢI TẠO
CÒN LẠI Ở VIỆT NAM - Nay tôi viết LẠI THƯ NÀY SONG
CHO BÀ VÀ THẠ THIẾT MONG BÀ GIÚP ĐỠ CHO TÔI
ĐƯỢC ĐỊNH CƯ TRÊN ĐẤT MỸ CÙNG VỚI CÁC CHIẾN
HỮU TRONG CHƯƠNG TRÌNH NHẬN ĐẠO HO -

NGUYỆN VONG DUY NHẤT CỦA TÔI HIỆN NAY LÀ ĐƯỢC
ĐOÀN TỤ CÙNG ANH EM TRÊN ĐẤT MỸ - TÔI RẤT MONG
SỰ CỨU VẬT VÀ SỰ GIÚP ĐỠ CỦA BÀ VỀ PHÍA
MỸ SỚM HOÀN THIỆN TRONG VIỆC NÀY - CÒN BÊN NÀY
TÔI ĐANG NỘP HỒ SƠ CẦN THIẾT TRONG VIỆC XUẤT CẢNH.
CUỐI THƯ TÔI CHÚC BÀ CŨNG GIÀ ĐÌNH ĐƯỢC KHỎE MẠNH
VUI Tươi, ĐAT NHIỀU THẢNH QUẢ TỐT ĐẸP TRONG HỜI

Thuan

LÊ VĂN THUẬN

Số nhà 163 Ô I ẤP I

XÃ TƯỜNG BÌNH HIỆP . THỦ ĐẦU MỘT . SÔNG BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -

Hồ sơ gửi qua gồm có:

02 bản giấy 2A tại

02 bản khai sinh

02 bản biên nhận căn cước

02 bản hôn thú

02 bản hộ khẩu

04 tấm ảnh 4x6

THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘ

Chuyển đến	Chuyển đến
Từ ngày tháng năm	Từ ngày tháng năm
Ký tên đóng dấu	Ký tên đóng dấu
Chuyển đi	Chuyển đi
Ký tên đóng dấu	Ký tên đóng dấu
NHỮNG VIỆC ĐỐI KHÁC	

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU TƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

SỐ : 48

Họ và tên chủ hộ : Lê Xuân Thanh

Số nhà : Ngõ (hẻm) : Ấp

Đường phố : Đồn CAND : An Long

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh : Bến Cát

Tỉnh, thành phố : Sông Bé

An Long ngày 03/10/90

Giấy chứng nhận

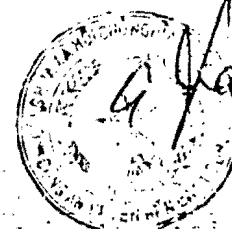
Ngày 11 tháng 07 năm 1990

Đ. Trường công an

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Lao Tân Dũng



27/10/90

Trần Văn Thanh

NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với Chủ Hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày, tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký lần đóng dấu của cơ quan công an
01	Trần Văn Thanh	1963	Nam	Chủ Hộ	lưu này	280039695	12.02.82		
02	Trần Văn Kiên	1963	Nữ	Em	nt	280392468	16.19.1983		
3	Trần Văn Cường	1943	Nh	Cha	nt	280350908	2/12/85		
4	Trần Văn Cường	1965	Nam	Em	n	Bà Trần Văn Cường	28/9/90		
5	Trần Văn Huệ	1942	Nh	Mẹ		Trần Văn Huệ	28/9/90		
6	Trần Văn Cường	1972	Nam	Em			28/9/90		
7	Trần Văn Huệ	1973	Nam	Em			4		
8	Trần Văn Hoàng	1995	Nh	n	BÃ BANG KỲ				

22/4

Chuyển đến

Ký tên đóng dấu

Ký tên đồng dấu

ကျေးဇူးတင်ပါသည်။

Chuyển đến

Ký tên và đóng dấu

Ký tên đồng chủ

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

ĐẢNG KÝ NHÂN KHẨU TƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số: 48

Họ và tên chủ hộ: Le Xuân Thanh

Số nhà : Ngõ (hẻm) : 2p. 1

Đường phố: Đồn CAND: An Khê

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: Kien Sat

Tỉnh, thành phố : Sông Kh.

Anslog - log 53/10/190

Ngày 12 tháng 07 năm 1982

Trưởng công an
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Kao tien Dung

SỐ TÀI CHÍNH

5/10 2 A

TỔNG NGU THAM

2

ĐÃ SẴN KỲ

IV# 215-684

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº PT 54991/90 ĐC

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước cho phép người mang hộ
chiếu này được đi lại tự do dàng và được
tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.*

2

Họ và tên / Full name

NGUYỄN THANH PHONG

Ngày sinh / Date of birth

1958

Nơi sinh / Place of birth

Kiến Giang

Chỗ ở / Domicile

Tp. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp / Occupation

Chiều cao / Height

Vết tích đặc biệt khác / Other particular signs

3



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
 Photo and signature of the passport-bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

03.9.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 23 tháng 9 năm 1990

Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CÁN

Đoàn công tác



Trần Thành

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 54991

Cấp cho Anh Nguyễn Thanh Phong

Cũng với

E. nước

Là của

Trước



13. 1. 1991

Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



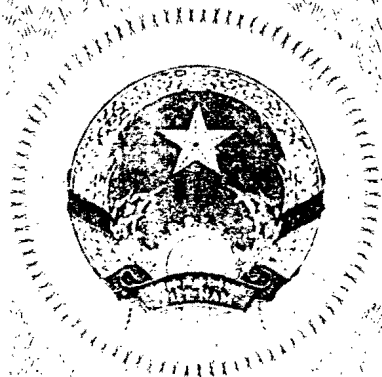
Trần Thành

IV# 215.684

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại để công tác và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 54.987/90 DC

Họ và tên / Full name

NGUYỄN THANH HƯNG

Ngày sinh / Date of birth

1956

Nơi sinh / Place of birth

Tp. Hồ Chí Minh

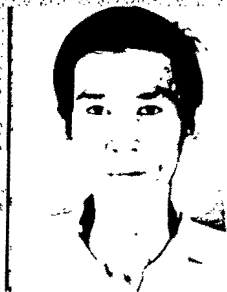
Chỗ ở / Domicile

Tp. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp / Occupation

Chiều cao / Height

Vết tích đặc biệt khác / Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

4

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

03 - 9 - 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TÂN CÀ ĐẠC QUỐC
TAN CA DAT QUOC

Cấp tại Hà Nội ngày 23 tháng 9 năm 1990

Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Quản lý nhập cảnh



Trần Thành

5

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 54-987-XCCấp cho Ông Nguyễn Chánh HùngLũng với 1 trănĐến nước Hợp chủng quốc Hoa KỳQua cửa khẩu Đầu Sơn NhấtTrước ngày 03-3-1991Hạn ngày 23 tháng 9 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Bộ Tài chính



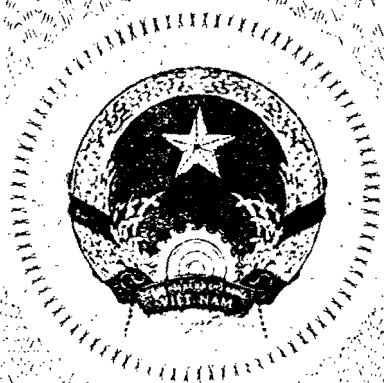
Trần Thành

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

TV# 215-684

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº PT 54993/90 ĐC

Họ và tên / Full name

NGUYỄN THỊ THU NGUYỆT

Ngày sinh / Date of birth

1960

Nơi sinh / Place of birth

Mình Hải

Chỗ ở / Domicile

Tp. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp / Occupation

Chiều cao / Height

Vết tích đặc biệt khác / Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

03 - 9 - 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

ĐẤT CÁC QUỐC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 23 tháng 9 năm 1990

Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

ĐO Nguyễn phồng



P. Thanh

Trần Thành

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên *Full name*

Phạm Thị Minh Châu

Ngày sinh *Date of birth*

1978

Nơi sinh *Place of birth*

Tp. Hồ Chí Minh

Họ và tên *Full name*

Phạm Văn Đăng

Ngày sinh *Date of birth*

1980

Nơi sinh *Place of birth*

Tp. Hồ Chí Minh



Họ và tên *Full name*

Phạm Văn Quang

Ngày sinh *Date of birth*

1983

Nơi sinh *Place of birth*

Tp. Hồ Chí Minh



THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 54993 XC

Cấp cho *Chị Nguyễn Thị Thu Nguyệt*Cùng với *03* — trẻ em

Đến nước

Quốc gia Hoa Kỳ

Qua cửa khẩu

*Cửa Lớn Nhứt*Trước ngày *03.3.1991*Hết hạn *13 tháng 9 năm 1990*

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

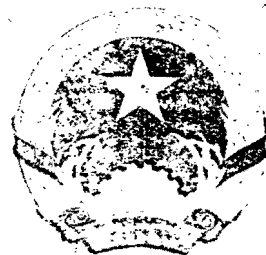
*Trần Thành*

IV# 215-684

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước cho phép người mang hộ
chiếu này được đi lại dễ dàng và được
các nước giúp đỡ về cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.*



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 54985/9006

Họ và tên Full name

NGUYỄN VĂN NGƯỜU

Ngày sinh Date of birth

1928

Nơi sinh Place of birth

Tây Ninh

Chỗ ở Domicile

Tp. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

(Handwritten signature)

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

13-9-1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 03 tháng 9 năm 1990
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Đang còn hiệu lực

Đang còn hiệu lực

Đang còn hiệu lực

Đang còn hiệu lực

Đang còn hiệu lực

Đang còn hiệu lực

Đang còn hiệu lực

Đang còn hiệu lực

Đang còn hiệu lực

Đang còn hiệu lực

Trần Thành

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 54 985

Cấp cho Ông Nguyễn Văn Ngàn

Cùng với Vợ

Đến nước Hợp chúng quốc Hoa Kỳ

Việc của khách Đoàn Tạm Nhặt

Trước ngày 03/8/1991

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Đang phòng



Trần Thành

IV# 215-684

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước cho phép người mang hộ
chiếu này được đi thông quan và được
tạo mọi sự thuận lợi và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.*



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 54982/70 DG

2

Họ và tên / Full name

NGUYỄN THỊ THANH MAI

Ngày sinh / Date of birth

1957

Nơi sinh / Place of birth

Quảng Trị - Kon Tum

Chỗ ở / Domicile

Tổ 10 - Chi Minh

Nghề nghiệp / Occupation

Chiều cao / Height

Vết tích đặc biệt khác / Other particular signs

3



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

4

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

03 - 9 - 1990

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 03 tháng 9 năm 1990
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ KHẨN NHẬP CẢNH

Trần Thành



Trần Thành

5

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name

Trần Trúc Thi

Ngày sinh Date of birth

1983

Nơi sinh Place of birth

Cần Thơ

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 54989 XCCấp cho Chị Nguyễn Thị Thanh MaiLũng với Một trẻ emĐến nước Hợp chúng quốc Hoa KỳQua cửa khẩu Trần Sơn NhấtTrước ngày 03 - 3 - 1997Hết ngày 23 tháng 9 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Trần Thành

Gray' xuất cảnh
NGUYỄN VĂN. NGUYỄN

FROM: LÊ VĂN THUẬN

163 ỒI ẤP I XÃ TƯỜNG BÌNH HIỆP
THỊ DẦU MỘT - SÔNG BÉ

TP. HỒ CHÍ MINH S. VIỆT NAM



Received In Bad Order At
Worldway Postal Center
Los Angeles, CA 90009



DEC 14 1990

GIẤY GỎI : BÃ KHUẾ MINH - THỎ

HỘI GIẢ ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ
VIỆT NAM

P.O. BOX 5435 ARLINGTON VA

22205-0635

USA